

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2021
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy

2. Bà Đặng Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 416/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp 6, xã B1, huyện B, tỉnh L.

- Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp 5, xã Th, huyện B, tỉnh L.

(Bà H yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29-8-2020, bản tự khai và các lời trình bày trong các Biên bản tại Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm H trình bày:

Bà và ông T quen biết nhau sau khi được hai bên gia đình đồng ý thì về sống chung với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th ngày 19/02/2013. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì vợ chồng thường xuyên cãi vã, làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân do ông T thường xuyên ăn chơi, nhậu nhẹt không chăm lo cho vợ con. Hiện nay vợ chồng

đã ly thân hơn 03 tháng, bài về nhà mẹ ruột sinh sống, hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Phan Ngọc Thiên Ng, sinh năm 2014. Con chung hiện nay đang sống với bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà còn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Ông Phan Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng ông T không có mặt bất kỳ buổi làm việc nào, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Cẩm H yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn T. Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn”, ông T có hộ khẩu thường trú tại xã Th, huyện B, tỉnh L nên thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

[2] Bà Nguyễn Thị Cẩm H có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt và yêu cầu không tiến hành hoà giải. Ông Phan Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 207 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Phan Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 19-02-2013 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Theo bà H trình bày vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, và ly thân từ tháng 10/2020 đến nay nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không có phương án hàn gắn tình cảm. Xét thấy, giữa hai người đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông T có một con chung tên Phan Ngọc Thiên Ng, sinh ngày 08-10-2014. Con chung hiện nay đang sống với bà H. Bà H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện nay con chung đang sống chung với bà H, ông T không có ý kiến gì về vấn đề con chung. Để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển về tinh thần và thể chất của con, cần giao con chung cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H. Cho bà Nguyễn Thị Cẩm H ly hôn với ông Phan Văn T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm H được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Ngọc Thiên Ng, sinh ngày 08-10-2014, ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002430 ngày 19-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L. Bà Nguyễn Thị Cẩm H đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt Bản án hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Oanh Thy - Đặng Thị Bích Loan

Hồ Thị Miên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Miên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Miên